

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 117/2021/CV-JVC

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2021

(V/v Báo cáo thường niên năm 2020)

Kính gửi:

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**
- Mã chứng khoán: **JVC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Thảo Hương**
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516

- Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật xin báo cáo Quy Ủy ban và Quý Sở về việc công bố Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty.

Thông tin trên đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:

<http://yetevietnhat.com.vn/thong-tin-co-dong/thong-bao-co-dong>

Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



NGUYỄN THẢO HƯƠNG

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
Y TẾ VIỆT NHẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~429~~/BC-JVC

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO
Thường niên năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101178800
- Vốn điều lệ: 1.125.001.710.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 024.3683.0516
- Số fax: 024.3683.0578
- Website: www.ytevietnhat.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): JVC
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).
- + 2001: Thành lập Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật
- + 2004: Thành lập VPĐD Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại Thành phố Hồ Chí Minh
- + 2006: Thành lập Công ty TNHH Kyoto Medical Science (chủ sở hữu là Công ty cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật)
- + 2010: Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- + 2011: Niêm yết toàn bộ 24.200.000 cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- + 2011: Công ty tăng vốn từ 224.000.000.000 đồng lên 322.000.000.000 đồng



- + 2012: Công ty tăng vốn từ 322.000.000.000 đồng lên 354.199.990.000 đồng
- + 2013: Công ty tăng vốn từ 354.199.990.000 đồng lên 568.185.300.000 đồng
- + 2014: Công ty phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% và phát hành riêng để tăng vốn từ 568.185.300.000 đồng lên 1.125.001.710.000 đồng
- + 2017: Thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công Ty cổ phần Thiết Bị Y Tế Việt Nhật
- + 2017: Chuyển trụ sở chính thức về Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- + 2018: Thay đổi địa chỉ Công ty về Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- + Phân phối thiết bị y tế.
- + Phân phối vật tư tiêu hao.
- + Đầu tư xã hội hóa.
- + Dịch vụ kỹ thuật: sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng định kỳ thiết bị y tế.
- + Phòng khám đa khoa.

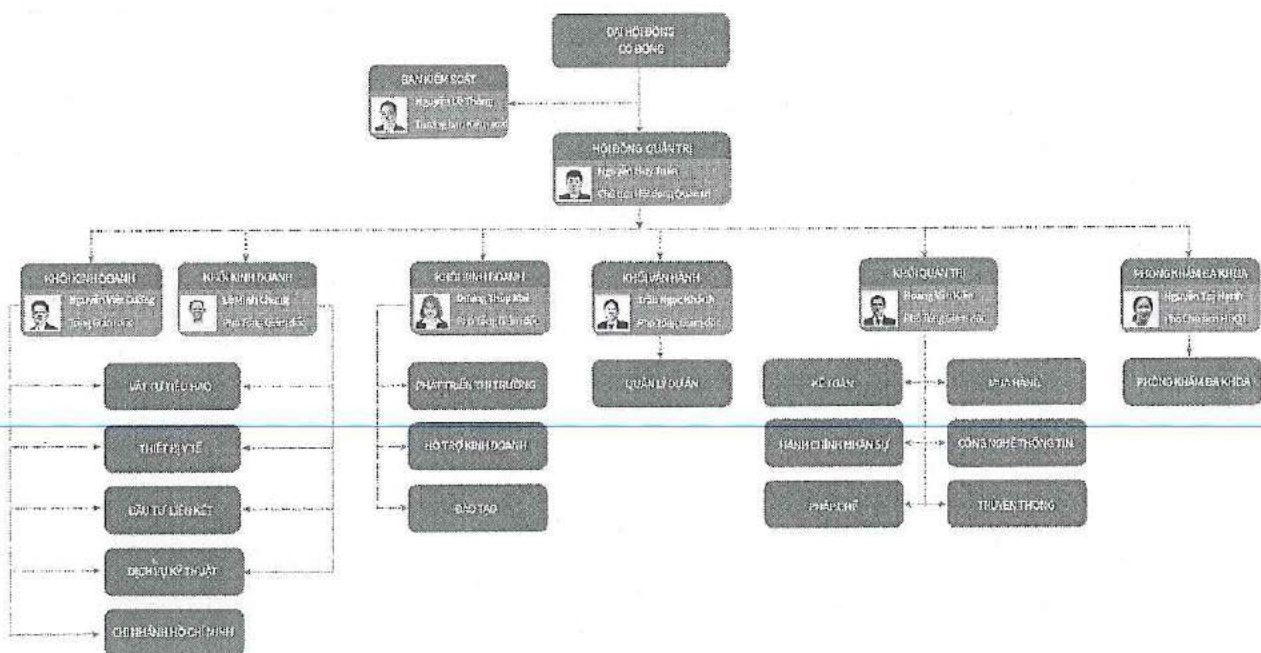
- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất: Hà Nội, Hồ Chí Minh)

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp): theo điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp năm 2020

- Cơ cấu bộ máy quản lý

- + Sơ đồ tổ chức



+ Bộ máy quản lý

Hội đồng quản trị:

1. Ông Nguyễn Huy Tuấn: Chủ tịch HĐQT

- Trình độ: Thạc sỹ

- Chuyên môn: Quản trị kinh doanh

- Kinh nghiệm làm việc: Hơn 15 năm kinh nghiệm quản lý trong các lĩnh vực Bảo hiểm, Dầu khí, Tài chính và Đầu tư

- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: không có

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Trình độ: Thạc sỹ

- Chuyên môn: Dược sỹ

- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm làm việc tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Dũng, công ty Cổ phần Dược phẩm IC Việt Nam

- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần đầu tư và Dược phẩm Trung Dũng

3. Ông Nguyễn Việt Cường: Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc

- Trình độ: Tiến sỹ

- Chuyên môn: Kỹ thuật

- Kinh nghiệm làm việc: Hơn 13 năm kinh nghiệm quản lý

- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có

4. Ông Trần Ngọc Khánh: Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc

- Trình độ: Thạc sỹ

- Chuyên môn: Quản trị kinh doanh

- Kinh nghiệm làm việc: Hơn 4 năm kinh nghiệm Quản lý chất lượng tại The Capital Pub Company (Anh), 3 năm kinh nghiệm giám đốc tín dụng tại Indovina Bank – CN Hà Nội, 2 năm Giám đốc phát triển dự án tại Công ty đầu tư Times Garden, 5 năm làm Trưởng bộ phận đầu tư tại Công ty CP Quản lý Quỹ PVI.

- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Kyoto Medical Science, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần điện mặt trời Vạn Thành

5. Ông Hoàng Văn Kiên: Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc

- Trình độ: Thạc sỹ

- Chuyên môn: Tài chính kế toán

- Kinh nghiệm làm việc: Hơn 12 năm làm việc tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, 6 năm giữ chức vụ Giám đốc khối tài chính kiểm kế toán trưởng tại Công ty CP Quản lý Quỹ PVI

- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư Anh Em 4B1N

6. Ông Nguyễn Lân Việt Anh: Thành viên HĐQT độc lập

- Trình độ: Thạc sỹ
- Chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm làm việc tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có

7. Ông Hoàng Điệp: Thành viên HĐQT độc lập

- Trình độ: Thạc sỹ
- Chuyên môn: Tài chính
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm làm việc tại Công ty Cổ phần Thực phẩm FUJI
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Thực phẩm FUJI

8. Ông Vũ Hoàng Việt: Thành viên HĐQT độc lập

- Trình độ: Cử nhân
- Chuyên môn: Cử nhân Tài chính, Ngân hàng và Đầu tư
- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà, Công ty Cổ phần giải pháp phần mềm tài chính FSS, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: thành viên HĐQT Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư I.P.A, Giám đốc Công ty cổ phần TVN Holdings, Giám đốc của Công ty TNHH Saisei.

Ban Tổng Giám đốc:

1. Ông Nguyễn Việt Cường: Tổng Giám đốc
2. Ông Trần Ngọc Khánh: Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Hoàng Văn Kiên: Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Dương Thùy Mai: Phó Tổng Giám đốc

- Trình độ: Thạc sỹ
- Chuyên môn: Dược sỹ
- Kinh nghiệm: 16 năm trong ngành kinh doanh thuốc và thiết bị vật tư y tế
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có

5. Ông Lê Minh Chung: Phó Tổng Giám đốc

- Trình độ: Cử nhân
- Chuyên môn: Kinh tế
- Kinh nghiệm: 15 năm kinh nghiệm giữ các chức vụ Giám đốc/Phó giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có

Ban Kiểm soát:

1. Ông Nguyễn Lê Thắng: Trưởng BKS

- Trình độ: cử nhân

- Chuyên môn: Kinh tế đối ngoại, kiểm soát viên

- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm làm việc tại Công ty DHL eCommerce Việt nam, Công ty TNT-Vietrans Express Worldwide

- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có

2. Bà Đặng Thị Hà Giang: Thành viên BKS

- Trình độ: Cử nhân

- Chuyên môn: Kinh tế

- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm tại các Công ty CP Quảng cáo trực tuyến 24h, Công ty CP TBYT Việt Nhật

- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có

3. Nguyễn Văn Vỹ: Thành viên BKS

- Trình độ: Cử nhân

- Chuyên môn: Kế toán doanh nghiệp

- Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm làm việc tại Công ty Cổ phần Sông Đà 909, Công ty CP Global Link

- chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có

Các công ty con, công ty liên kết: (Nếu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết

Công Ty Cổ Phần Kyoto Medical Science là công ty con do JVC sở hữu 100% vốn điều lệ, có trụ sở chính tại Tầng 24 tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam, ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn thiết bị y tế.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Tiếp tục phát triển ngành mảng kinh doanh thiết bị y tế, VTTT chủ lực.

+ Bổ sung các mảng dịch vụ: phòng khám đa khoa, mảng công nghệ thông tin.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Mục tiêu đến năm 2025: Top 3 nhà phân phối thiết bị y tế và VTTT tại Việt Nam

+ Cơ cấu thương mại/dịch vụ ~ 50/50

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,...

Tổng Doanh thu thuần hợp nhất là: 411.416.951.706 đồng, đạt 79,12% so với kế hoạch của ĐHCĐ năm 2020, giảm 20,45% so với năm 2019. Lỗ sau thuế năm 2020 là: 76.68 tỷ, trong khi lợi nhuận kế hoạch là 5 tỷ đồng. Công ty tiếp tục tập trung vào những sản phẩm truyền thống như: Vật tư tiêu hao, thiết bị chẩn đoán hình ảnh, hoạt động kinh doanh liên kết, dịch vụ service, khám sức khỏe. Ngoài ra, bổ sung thêm vào danh mục hàng hóa các mặt hàng khác như: Chi khâu y tế, các sản phẩm khử khuẩn phục vụ cho nhu cầu chống dịch Covid.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

So sánh kết quả đạt được trong năm so với năm liền kề

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2019 | % Tăng/Giảm |
|-----|--------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 411.416.951.706 | 517.172.861.928 | -20,45% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | -76.685.819.426 | 2.796.028.877 | -2842,67% |

So sánh kết quả đạt được trong năm so với kế hoạch

| STT | Chỉ tiêu | Số thực hiện | Số kế hoạch | % Tăng/Giảm |
|-----|--------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 411.416.951.706 | 520.000.000.000 | -20,88% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | -76.685.819.426 | 5.000.000.000 | -1633,72% |

Nguyên nhân:

Doanh thu của Công ty năm 2020 giảm sút do ảnh hưởng bởi Đại dịch Covid-19 khiến các bệnh viện và cơ sở y tế giảm dùng vật tư tiêu hao do một số bệnh viện bị phong tỏa và người dân cũng hạn chế tới bệnh viện, công tác bán hàng bị gián đoạn trong vài tháng đầu năm tài chính 2020. Bên cạnh đó, nguồn vốn đầu tư trang thiết bị y tế của các Bệnh viện đã được chuyển mục đích ưu tiên mua sắm các trang thiết bị, vật tư bảo hộ phòng chống dịch như máy thở, máy xét nghiệm, khẩu trang, nước rửa tay... để đảm bảo công tác chống dịch Covid. Đồng thời, Năm 2020, Công ty phản ánh đầy đủ các khoản chi phí trong kỳ như trích lập bổ sung dự phòng hàng tồn kho, phải thu để đảm bảo phản ánh đúng giá trị có thể thu hồi trong tương lai; rà soát lại thời gian khấu hao của một số TSCĐ liên doanh liên kết cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước cũng như tuổi thọ kinh tế của máy móc thiết bị.

2. Tổ chức và Nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)

(*) Căn cứ vào Bản cung cấp thông tin do Người nội bộ lập ngày 08/2/2021)

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

| STT | Thành viên Ban điều hành | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết* |
|-----|--------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Việt Cường | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm từ ngày 17/12/2020 | 5,16% |
| 2 | Ông Hoàng Văn Kiên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm từ ngày 01/12/2020 | 0 |
| 3 | Ông Trần Ngọc Khánh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm từ ngày 14/11/2020 | 0 |
| 4 | Bà Dương Thùy Mai | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm từ ngày 1/04/2021 | 0 |
| 5 | Ông Lê Minh Chung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm từ ngày 17/5/2021 | 0 |
| 6 | Bà Vũ Thị Thúy Hằng | Tổng Giám đốc(đã miễn nhiệm) | Miễn nhiệm từ ngày 17/12/2020 | 0 |
| 7 | Bà Vương Văn Anh | Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm) | Miễn nhiệm từ ngày 17/5/2020 | 0 |
| 8 | Ông Bùi Khang | Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm) | Miễn nhiệm từ ngày 17/12/2020 | 0 |
| 9 | Trần Đức Thanh | Kế Toán Trưởng | Bổ nhiệm từ ngày 17/12/2020 | 0 |
| 10 | Lê Thị Hà Thanh | Kế Toán Trưởng (đã miễn nhiệm) | Miễn nhiệm từ ngày 17/12/2020 | 0 |

Thu nhập bình quân năm 2020 là 19.202.749 đồng. Người lao động hưởng lương và các chính sách khác theo luật lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện các khoản đầu tư tài chính, đa dạng hóa các hình thức đầu tư bao gồm: mua Trái phiếu, gửi tiền tiết kiệm ở các NHTM. Trong đó, khoản đầu tư lớn nhất là mua trái phiếu của BTW trị giá: 56.028.000.000 VNĐ. Doanh thu hoạt động tài chính thu được từ các hoạt động trên là: 4,109,266,637 VNĐ

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)

Năm 2020 Công ty TNHH Kyoto Medical Science (KMS) đã đóng góp hơn 3 tỷ đồng doanh thu vào kết quả kinh doanh hợp nhất. Dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, Doanh

thu giảm 40% so với năm 2019 do phần lớn các hợp đồng liên kết đã hết hạn và không được gia hạn. Năm 2021, Công ty kỳ vọng sẽ đẩy mạnh mảng bán thiết bị và vật tư tiêu hao, nhằm nâng cao doanh thu, đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của công ty.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | % tăng/giảm |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 637.857.268.587 | 627.726.330.828 | -2% |
| Doanh thu thuần | 517.172.861.928 | 411.416.851.706 | -20% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 109.057.607.241 | 35.853.965.798 | -67% |
| Lợi nhuận khác | 11.263.986.174 | -5.180.205.020 | -146% |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.731.511.597 | -76.578.967.464 | -2904% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.796.028.877 | -76.685.819.426 | -2843% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | - | - | |

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | Ghi chú |
|----------------------------------------------------------|----------|----------|---------|
| 1, Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | | | |
| Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn | 3,9 | 1,92 | |
| Hệ số thanh toán nhanh | | | |
| (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | 2,39 | 1,54 | |
| 2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số nợ/ Tổng tài sản | 0,17 | 0,28 | |
| Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu | 0,2 | 0,38 | |
| 3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho: | | | |
| Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho BQ | 3,40 | 4,10 | |
| Vòng quay tổng tài sản: | | | |
| Doanh thu thuần/ Tổng tài sản BQ | 0,77 | 0,65 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: | | | |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 1% | -19% | |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,5% | -17% | |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,4% | -12,2% | |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | -2% | -17% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước

ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 112.500.171 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

| Cơ cấu cổ đông | Tỷ lệ sở hữu |
|--------------------|--------------|
| Cổ đông lớn | 56,34 % |
| Cổ đông nhỏ | 43,66 % |
| Cổ đông tổ chức | 88,12 % |
| Cổ đông cá nhân | 11,88 % |
| Cổ đông trong nước | 86,89 % |
| Cổ đông nước ngoài | 13,11 % |

(Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày đăng ký cuối cùng là 04/12/2020)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị *cáp*).

- + 2011: Công ty tăng vốn từ 224.000.000.000 đồng lên 322.000.000.000 đồng
- + 2012: Công ty tăng vốn từ 322.000.000.000 đồng lên 354.199.990.000 đồng
- + 2013: Công ty tăng vốn từ 354.199.990.000 đồng lên 568.185.300.000 đồng
- + 2014: Công ty phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% và phát hành riêng để tăng vốn từ 568.185.300.000 đồng lên 1.125.001.710.000 đồng

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

Không có

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động là 247 người, mức lương trung bình đối với người lao động là 19.202.749 đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người lao động

- Ngoài việc tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật, Công ty còn mua bảo hiểm sức khỏe cho tất cả Người lao động

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

+ Đối với nhân viên kinh doanh, phát triển thị trường: Đào tạo các sản phẩm mới và các thay đổi nổi bật của hãng. Đào tạo nghiệp vụ bán hàng.

+ Đối với nhân viên kỹ thuật: Đào tạo định kỳ theo hãng, đào tạo nội bộ, chia sẻ nâng cao tay nghề

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.2. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Năm 2020, Công ty đã trực tiếp tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vì cộng đồng như:

- Trao tặng các vật tư y tế gồm: dung dịch rửa tay, dụng cụ bơm dung dịch xà phòng rửa tay, dụng cụ bơm dung dịch cồn sát khuẩn tự động, dung dịch khử khuẩn bề mặt, giấy lau khử khuẩn bề mặt ít cồn,... phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 với tổng giá trị gần 50.000.000 đồng cho các đơn vị Y tế.

- Khám, tư vấn và phát thuốc miễn phí cho khoảng 1.500 người có công, người nghèo, người cao tuổi, trẻ em tại tỉnh Quảng Bình trong những ngày khắc phục hậu quả sau bão lũ miền Trung.

- Tổ chức chuỗi Hội thảo tư vấn sức khỏe cộng đồng miễn phí cho người lao động.

- Ngoài ra Công ty còn tham gia các hội nghị, hội thảo, sự kiện, hoạt động chuyên môn quan trọng của ngành Y tế: Hội nghị siêu âm toàn quốc lần thứ 4; Hội nghị Gây mê Hồi sức Toàn quốc; Hội thảo Quốc gia về trang thiết bị Y tế lần thứ 16; Hội thảo trực tuyến: Gây tê vùng trong đại dịch Covid-19; Hội thảo khoa học và kỷ niệm 55 năm thành lập Bệnh viện Đa khoa Thành Phố Vinh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

Tổng Doanh thu thuần hợp nhất là: 411.416.951.706 đồng, đạt 79,12% so với kế hoạch của ĐHCĐ năm 2020, giảm 20,45% so với năm 2019. Lỗ sau thuế năm 2020 là: 76.68 tỷ, trong khi lợi nhuận kế hoạch là 5 tỷ đồng.

Năm 2020, Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh trong các dòng sản phẩm truyền thống như: Vật tư tiêu hao, thiết bị chẩn đoán hình ảnh, hoạt động kinh doanh liên kết, dịch vụ service, khám sức khỏe. Ngoài ra, Công ty cũng bước đầu đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh: như vật tư chi khâu phẫu thuật, dầu gội đầu, dung dịch tắm khô dùng trong y tế, nước sát khuẩn và đã có đóng góp vào Tổng doanh thu bán hàng. Đội ngũ BTGD đã rất tích cực nỗ lực cùng với toàn thể nhân viên trong công tác rà soát, quản trị chi phí, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường vị thế trên thương trường cho JVC, hiện thực hóa nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ, HĐQT giao phó. Tuy nhiên, do ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh Covid đã và đang hoành hành ở khắp các quốc gia trên thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng tác động không nhỏ đến toàn cảnh bức tranh về kết quả kinh doanh của Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)

Tổng tài sản năm 2020 là: 627.726.330.828 đồng trong đó tài sản ngắn hạn là: 300.319.399.551 đồng chiếm 48% Tổng tài sản, tài sản dài hạn là: 327.406.931.277 chiếm 52% Tổng tài sản. Đồng thời tổng tài sản giảm 1.59 % so với năm 2019 trong đó tài sản ngắn hạn năm 2020 giảm 6%, tài sản dài hạn tăng 3% so với năm 2019. Vòng quay tổng tài sản năm 2020 là: 0.65 giảm so với năm 2019 (0.77). Nguyên nhân là do tác động của đại dịch Covid-19 làm cho doanh thu thuần giảm 20%, trong khi tổng tài sản bình quân chỉ giảm 5,5%.

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi năm 2020 tăng 7 tỷ đồng so với năm 2019. Trong năm, JVC đã nỗ lực kết hợp với các đơn vị tư vấn pháp lý thực hiện các công việc rà soát, nghiên cứu hồ sơ, đàm phán, liên hệ với các bên liên quan và thu hồi được hơn 10,1 tỷ tiền công nợ cũ, khó đòi, đã trích lập dự phòng qua các thời kỳ.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Tổng Nợ phải trả tại 31/03/2021 là: 173.033.977.255 đồng trong đó nợ ngắn hạn là: 156.440.989.480 đồng chiếm 90% Tổng nợ phải trả, Nợ dài hạn là: 16.592.987.775 đồng chiếm 10% Tổng nợ phải trả; trong khi tỷ lệ này là 77% và 23% tại 01/04/2020. Tỷ lệ nợ phải trả ngắn hạn trong cơ cấu nợ tăng là do chỉ tiêu vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là: 67.087.483.989 đồng chiếm 43% tổng nợ ngắn hạn tại 31/03/2021. Đây là khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng tại ngân hàng MB và BIDV để bổ sung vào dòng tiền hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Tại 31/03/2021, Tổng nợ phải trả người bán là: 31.620.099.522 đồng, trong đó không có dự nợ phải trả quá hạn. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái năm 2020 là: 1.362.805.637 đồng, tương ứng 0,3% doanh thu thuần năm 2020.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2020, Ban điều hành đã được cơ cấu, chuyên môn hóa. Hiện tại Công ty có 5 Tổng giám đốc/Phó tổng giám đốc chuyên môn phụ trách các mảng Kinh doanh, Dự án, Quản trị & Tài Chính, Phát triển thị trường.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau: doanh thu thuần 440 tỷ đồng;

- Định hướng chung của Công ty là trở thành đối tác tin cậy cung cấp thiết bị, vật tư, giải pháp, dịch vụ đa dạng, toàn diện cho khách hàng; đặt chất lượng dịch vụ lên hàng đầu;

- Đối với hoạt động kinh doanh thiết bị và vật tư tiêu hao, Công ty sẽ tập trung vào tìm kiếm và triển khai quyết liệt các dòng sản phẩm mới. Ngoài ra, mở rộng kinh doanh sang mảng nhãn khoa, nha khoa;
- Đối với hoạt động đầu tư liên kết, Công ty sẽ đẩy mạnh triển khai các dự án liên doanh liên kết mới dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện hiệu quả và tiềm năng phát triển;
- Đối với dịch vụ kỹ thuật, Công ty hướng đến tăng cường chất lượng dịch vụ sau bán hàng thông qua các hợp đồng sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng thiết bị y tế;
- Công ty chuyển đổi mô hình phòng khám lưu động thành Phòng khám đa khoa tại trung tâm TP Hà Nội, trong đó có bao gồm khám lưu động;
- Bổ sung mảng kinh doanh Công nghệ thông tin, áp dụng công nghệ cao vào y tế.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần).

Kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với khoản mục phải thu khách hàng ngắn hạn, trả trước cho người bán và phải thu khác. Đây là số dư hình thành từ năm 2016, được xác định là nợ khó đòi và đã được Công ty trích lập dự phòng 100% theo quy định kế toán hiện hành. Ban Giám đốc đang tích cực chỉ đạo, làm việc cùng các đối tác nhằm thu hồi công nợ sớm nhất tho đúng quy định pháp luật.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh trong các dòng sản phẩm, hoạt động kinh doanh truyền thống như thiết bị và vật tư tiêu hao chẩn đoán hình ảnh, hoạt động liên doanh liên kết, dịch vụ kỹ thuật...
- Ngoài ra, Công ty đã và đang nỗ lực đa dạng hóa sản phẩm và bước đầu đạt được kết quả tốt, ghi nhận doanh thu với dòng sản phẩm mới là thiết bị và vật tư tiêu hao kiểm soát nhiễm khuẩn. Các sản phẩm khác có thể đóng góp vào doanh thu trong thời gian tới có thể kể đến: máy đo đường huyết, chỉ khâu phẫu thuật...;
- Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế 2020 chỉ đạt -76.685.819.426 đồng do những ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid – 19 đến khả năng và tiến độ thanh toán công nợ của các khách hàng, ngoài ra đến từ việc Công ty trích bổ sung dự phòng và khấu hao của các máy móc thiết bị liên kết.
- Mặt khác, Công ty đã đạt được một số thành tích thu hồi công nợ khó đòi, cụ thể Công ty đã thu hồi được 10,1 tỷ công nợ cũ, khó đòi, đã trích lập dự phòng qua các thời kỳ;

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Về Kinh doanh:

Mặc dù năm 2020 là năm khó khăn đối với ngành thiết bị y tế nói chung và JVC nói riêng, Ban Giám Đốc đã nỗ lực trong điều hành kinh doanh để tìm kiếm nguồn khách hàng mới, mở rộng dải sản phẩm và địa bàn kinh doanh mới.

Ngoài ra, BTGD thực hiện tốt các trách nhiệm quản trị khác, cụ thể:

- Về công tác tài chính: chấp hành tốt các quy định về tài chính kế toán, lập, trình bày, công bố BCTC;
- Về công tác kiểm soát nội bộ: tiếp tục hoàn thiện và duy trì có nề nếp việc thực hiện các quy chế, quy định, quy trình;
- Về công tác nhân sự: đề xuất và triển khai phương án tổ chức Công ty, tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động;

- Về giải quyết các vấn đề tồn đọng: bước đầu đạt được kết quả thu hồi 10,1 tỷ công nợ khó đòi, đồng thời quyết liệt trong việc tiếp tục thu hồi công nợ khó đòi, giải quyết các vấn đề pháp lý.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Tiếp tục phát triển ngành mangan kinh doanh thiết bị y tế, VTTH chủ lực.

+ Bổ sung các mảng dịch vụ: phòng khám đa khoa, mảng công nghệ thông tin.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Mục tiêu đến năm 2025: Top 3 nhà phân phối thiết bị y tế và VTTH tại Việt Nam

+ Cơ cấu thương mại/dịch vụ ~ 50/50

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết** | Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác)** |
|-----|-------------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Huy Tuấn | Chủ tịch HĐQT | 17,778 % | 0 |
| 2 | Ông Nguyễn Việt Cường | Thành viên HĐQT điều hành | 5,16% | 0 |
| 3 | Ông Nguyễn Lâm Việt Anh | Thành viên HĐQT độc lập | 0 | 0 |
| 4 | Ông Hoàng Văn Kiên | Thành viên HĐQT điều hành | 0 | 1 |
| 5 | Ông Trần Ngọc Khánh | Thành viên HĐQT điều hành | 0 | 2 |
| 6 | Ông Hoàng Điệp | Thành viên HĐQT độc lập | 0 | 1 |

| | | | | |
|---|--------------------|-------------------------|--------|---|
| 7 | Bà Nguyễn Thị Hạnh | Thành viên HĐQT độc lập | 0 | 1 |
| 8 | Ông Vũ Hoàng Việt | Thành viên HĐQT độc lập | 5,02 % | 3 |

(** Căn cứ vào Bản cung cấp thông tin do Người nội bộ lập ngày 08/2/2021)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban). Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

+ Hội đồng quản trị đã đưa ra quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty phù hợp với từng thời kỳ, đồng thời giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành công việc kinh doanh của công ty, triển khai kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và theo các Nghị Quyết của HĐQT thông qua các báo cáo, đề xuất của Ban Tổng Giám đốc tại các cuộc họp định kỳ, cuộc họp đột xuất.

+ Trong phạm vi thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị đã đưa ra quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư kịp thời và phù hợp với tình hình tài chính của Công ty;

+ Căn cứ vào tình hình kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm, Hội đồng quản trị đã quyết định đưa ra các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ phù hợp với đối tượng khách hàng ở các thời điểm khác nhau và từng hàng hóa, dịch vụ khác nhau;

+ Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;

+ Để duy trì sự liên tục, ổn định và phù hợp của Ban Điều hành, trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, đồng thời quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý này;

+ Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

+ Tuân thủ, và hoàn thành nhiệm vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông bao gồm các hoạt động: duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

+ Giám sát việc lập và công bố báo cáo tài chính quý, năm để phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định của pháp luật hiện hành.

- Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1 | 0901/2020/NQ-HĐQT | 09/01/2020 | Thông qua việc ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Kyoto Medical Science | 100% |
| 2 | 1402/2020/NQ-HĐQT | 14/02/2020 | Thông qua phương án cơ cấu tổ chức Công ty | 100% |
| 3 | 0205/2020/NQ-HĐQT | 02/05/2020 | Thông qua kế hoạch thanh lý và mua sắm tài sản cố định của Công ty | 100% |
| 4 | 0805/2020/NQ-HĐQT | 08/05/2020 | Thông qua việc ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Kyoto Medical Science | 100% |
| 5 | 1606/2020/NQ-HĐQT | 16/06/2020 | Thông qua việc gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vì nguyên nhân do Covid-19 | 100% |
| 6 | 2406/2020/NQ-HĐQT | 24/06/2020 | Thông qua phương án kinh doanh, phương án vay vốn, thế chấp/ cầm cố tài sản và ủy quyền ký kết các giao dịch đối với dự án cho thuê hệ thống máy chụp cộng hưởng từ | 100% |
| 7 | 3007/2020/NQ-HĐQT | 30/07/2020 | Thông qua kế hoạch tài trợ thiết bị y tế, dụng cụ y tế | 100% |
| 8 | 0108/2020/NQ-HĐQT | 01/08/2020 | Thông qua miễn nhiệm chức vụ thư ký HĐQT đối với Bà Quách Thu Trang, đồng thời, bổ nhiệm chức vụ thư ký HĐQT đối với Bà Nguyễn Thảo Hương | 100% |
| 9 | 0108A/2020/NQ-HĐQT | 01/08/2020 | Thông qua kế hoạch thanh lý tài sản cố định của Công ty | 100% |
| 10 | 0108B/2020/NQ-HĐQT | 01/08/2020 | Thông qua mức lương của Ban Giám đốc | 100% |
| 11 | 2108/2020/NQ-HĐQT | 21/08/2020 | Thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 | 100% |
| 12 | 1009/2020/NQ-HĐQT | 10/09/2020 | Thông qua việc đầu tư/ hợp tác đầu tư trái phiếu doanh nghiệp | 100% |
| 13 | 2209/2020/NQ-HĐQT | 22/09/2020 | Bổ nhiệm Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 | 100% |

| | | | | |
|----|--------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14 | 2309/2020/NQ-HĐQT | 23/09/2020 | Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020-2021 và hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Mỹ Đình | 100% |
| 15 | 2409/2020/NQ-HĐQT | 24/09/2020 | Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020-2021 và hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trần Duy Hưng | 100% |
| 16 | 2509/2020/NQ-HĐQT | 25/09/2020 | Thông qua việc HĐQT đề cử thêm các ứng viên cho đủ số lượng để bầu bổ sung thành viên HĐQT | 100% |
| 17 | 3009A/2020/NQ-HĐQT | 30/09/2020 | Thông qua việc thành lập ủy ban, ban cố vấn giúp việc cho HĐQT | 100% |
| 18 | 3009B/2020/NQ-HĐQT | 30/09/2020 | Thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Huy Tuấn giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT | 100% |
| 19 | 1710/2020/NQ-HĐQT | 17/10/2020 | Thông qua kế hoạch đầu tư mua trái phiếu | 60% |
| 20 | 1910/2020/NQ-HĐQT | 19/10/2020 | Thông qua chọn công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2020 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 | 100% |
| 21 | 1311/2020/NQ-HĐQT | 13/11/2020 | Bổ nhiệm Ông Trần Ngọc Khánh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc | 100% |
| 22 | 1311A/2020/NQ-HĐQT | 13/11/2020 | Thông qua triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 | 100% |
| 23 | 2711/2020/NQ-HĐQT | 27/11/2020 | Bổ nhiệm Ông Hoàng Văn Kiên giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc | 100% |
| 24 | 2711A/2020/NQ-HĐQT | 27/11/2020 | Thông qua kế hoạch triển khai dự án đầu tư liên doanh liên kết | 100% |
| 25 | 0412/2020/NQ-HĐQT | 04/12/2020 | Bổ nhiệm Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 | 100% |
| 26 | 1012A/2020/NQ-HĐQT | 10/12/2020 | Thông qua việc điều chuyển xe từ Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ra trụ sở chính của Công ty | 75% |

| | | | | |
|----|--------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27 | 1012B/2020/NQ-HĐQT | 10/12/2020 | Thông qua ủy quyền cho Ông Hoàng Văn Kiên – phó Tổng Giám đốc được phê duyệt từng khoản vay hoặc bảo lãnh theo hạn mức tín dụng đã được HĐQT phê duyệt | 75% |
| 28 | 1512A/2020/NQ-HĐQT | 15/12/2020 | Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với Ông Hosono Kyohei | 100% |
| 29 | 1512B/2020/NQ-HĐQT | 15/12/2020 | Thông qua bổ sung một số nội dung trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 | 100% |
| 30 | 1512C/2020/NQ-HĐQT | 15/12/2020 | Thông qua việc HĐQT đề cử thêm các ứng viên cho đủ số lượng để bầu bổ sung thành viên HĐQT | 100% |
| 31 | 1512D/2020/NQ-HĐQT | 15/12/2020 | Bổ nhiệm Ông Nguyễn Huy Tuấn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT | 100% |
| 32 | 1712A/2020/NQ-HĐQT | 17/12/2020 | Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hạnh giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT | 100% |
| 33 | 1712B/2020/NQ-HĐQT | 17/12/2020 | Bổ nhiệm Ông Cao Tiến Dũng giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT | 100% |
| 34 | 1712C/2020/NQ-HĐQT | 17/12/2020 | Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty và Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh đối với Bà Vũ Thị Thúy Hằng | 100% |
| 35 | 1712D/2020/NQ-HĐQT | 17/12/2020 | Bổ nhiệm Ông Nguyễn Việt Cường giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty và Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh | 100% |
| 36 | 1712E/2020/NQ-HĐQT | 17/12/2020 | Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Bùi Khang | 100% |

| | | | | |
|----|--------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37 | 1712G/2020/NQ-HĐQT | 17/12/2020 | Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Bà Lê Thị Hà Thanh | 100% |
| 38 | 1712I/2020/NQ-HĐQT | 17/12/2020 | Thông qua việc ban hành quy định phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT | 100% |
| 39 | 1712H/2020/NQ-HĐQT | 17/12/2020 | Bỏ nhiệm Ông Trần Đức Thanh giữ chức vụ Kế toán trưởng | 100% |
| 40 | 1712K/2020/NQ-HĐQT | 17/12/2020 | Thông qua việc thành lập Hội đồng cố vấn khoa học | 100% |
| | | | Miễn nhiệm chức vụ Người đại diện phần vốn góp/ Người đại diện theo ủy quyền, Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Kyoto Medical Science. | |
| 41 | 1712F/2020/NQ-HĐQT | 17/12/2020 | Bỏ nhiệm Ông Trần Ngọc Khánh giữ chức vụ Người đại diện phần vốn góp/ Người đại diện theo ủy quyền, Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Kyoto Medical Science. | 100% |
| 42 | 2212/2020/NQ-HĐQT | 22/12/2020 | Ủy quyền cho Ông Nguyễn Huy Tuấn – Chủ tịch HĐQT và Ông Hoàng Văn Kiên – Phó Tổng Giám đốc được phê duyệt từng khoản vay hoặc bảo lãnh theo hạn mức tín dụng đã được HĐQT phê duyệt | 100% |
| 43 | 2212A/2020/NQ-HĐQT | 22/12/2020 | Ủy quyền cho Ông Hoàng Văn Kiên – Phó Tổng Giám đốc được sử dụng vốn, tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị từng lần đầu tư bằng hoặc nhỏ hơn 10 tỷ đồng, hoặc, có giá trị từng lần đầu tư bằng hoặc lớn hơn 10 tỷ đồng đến bằng hoặc nhỏ hơn 200 tỷ đồng sau khi được Chủ tịch HĐQT phê duyệt. | 100% |
| 44 | 2912/2020/NQ-HĐQT | 29/12/2020 | Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 1 | 100% |
| 45 | 3012/2020/NQ-HĐQT | 30/12/2020 | Thông qua kế hoạch bán thanh lý tài sản cố định của Công ty | 100% |

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành |
|-----|----------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Lê Thắng | Trưởng Ban kiểm soát | 0 |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Vỹ | Thành viên Ban kiểm soát | 0 |
| 3 | Bà Đặng Thị Hà Giang | Thành viên Ban kiểm soát | 0 |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

| Số lần họp | Thời gian | Nội dung | Tỷ lệ tham dự họp |
|------------|------------|------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1 | 30/03/2020 | Tổng kết hoạt động giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc | 100% |
| | | Đề ra kế hoạch và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong thời gian tới | |
| 2 | 30/09/2020 | Bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát | 100% |
| | | Tổng kết hoạt động giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc | |
| | | Đề ra kế hoạch và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong thời gian tới | |

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

Tổng chi lương, thưởng, thù lao cho HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc năm 2020 là: 8.002.412.535 đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Cổ đông lớn - Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|----------------------------|--------|----------------------------------------------------|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | DI Asian Industrial Fund, L.P (DI AF). | - Cổ đông lớn | 21.767.970 | 19,35% | 0 | 0 | Bán |
| | | - Ông Hosono Kyohei là Giám đốc của DI AF – Cổ đông lớn | | | | | |
| 2 | Dream Incubator Inc. (DI Inc.) | - Ông Hosono Kyohei là Giám đốc và Giám đốc vận hành của DI Inc – Cổ đông lớn | 6.585.614 | 5,85% | 0 | 0 | Bán |
| 3 | Phùng Quang Việt | Cổ đông lớn | 6.585.614 | 5,85% | 0 | 0 | Bán |
| 4 | Vũ Thị Thúy Hằng | Người nội bộ | 0 | 0 | 11.200.000 | 9,96% | Mua |
| 5 | Trần Đức Thắng | Em trai của Ông Trần Đức Thanh – Thành viên Ban Kiểm soát | 8.31 | 0,007% | 0 | 0 | Bán |
| 6 | Nguyễn Huy Tuấn | Người nội bộ | 0 | 0 | 20.000.000 | 17778% | Mua |

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

Trong năm vừa qua, Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt các quy định pháp luật về quản trị Công ty. Tuy nhiên, đối với quy định về điều kiện của kiểm soát viên Công ty đã không đảm bảo tất cả Kiểm soát viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên, theo quy định tại Khoản 3, Điều 20, Nghị định 71/2017/NĐ-CP. Nguyên nhân là do Công ty gặp phải một số khó khăn khi tuyển dụng nhân sự đủ điều kiện là kế toán viên, kiểm toán viên để bổ nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát, cụ thể: đa số nhân sự đều là cử nhân chuyên ngành kế toán, kiểm toán của các trường đại học nhưng chưa có chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên; số còn lại có chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên nhưng thường lựa chọn làm việc tại các công ty kiểm toán. Vì các lý do trên, Công ty chưa thể bổ nhiệm được kiểm soát viên đáp ứng đủ điều kiện là kế toán viên kiểm toán viên. Mặc dù các kiểm soát viên (không bao gồm trưởng ban kiểm soát) của Công ty đều tốt nghiệp đại học chính quy chuyên ngành kế toán nhưng trong suốt nhiệm kỳ, các kiểm soát viên đều hoàn thành tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình.

Tuy nhiên, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán mới ban hành có hiệu lực thực hiện từ ngày 1/1/2021 đã sửa đổi bổ sung quy định trên, theo hướng phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp hơn, cụ thể: đã bỏ quy định về điều kiện của kiểm soát viên bắt buộc phải có chứng chỉ kiểm toán viên, kế toán viên. Công ty cũng đã cập nhật quy định của pháp luật mới và hiện nay không còn vi phạm quy định về việc đảm bảo điều kiện của kiểm soát viên nêu trên.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, khoản mục phải thu khách hàng ngắn hạn bao gồm số tiền 59.267.731.518 đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền 14.944.250.000 đồng và khoản mục phải thu khác ngắn hạn bao gồm số tiền tạm ứng 16.699.616.839 đồng tồn đọng lâu ngày và biến động không đáng kể từ 31 tháng 03 năm 2016. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và tạm ứng nêu trên. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu và tính đầy đủ của các khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 hay không

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ

(Báo cáo đính kèm)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Huy Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021



MỤC LỤC

| | Trang |
|-----------------------------------------------|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 – 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 – 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 5 – 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 8 – 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 10 – 39 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010, đã đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 được sửa đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các thiết bị Y tế.

Trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.125.001.710.000 đồng (Một nghìn một trăm hai mươi lăm tỷ, không trăm lẻ một triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| | | |
|--------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| Ông Nguyễn Huy Tuấn | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2020 (Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 30 tháng 09 năm 2020) |
| Ông Hosono Kyohei | Chủ tịch HĐQT | Miễn nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thị Hạnh | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 |
| Ông Cao Tiến Dũng | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 Từ nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2021 |
| Ông Vũ Hoàng Việt | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Việt Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Lân Việt Anh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 |
| Ông Hoàng Văn Kiên | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 |
| Ông Trần Ngọc Khánh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 |
| Ông Hoàng Điệp | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 |
| Bà Vũ Thị Thúy Hằng | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Thế Hường | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Mạnh Cường | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020 |

Ban Tổng Giám đốc

| | | |
|-----------------------|-------------------|--------------------------------------|
| Ông Nguyễn Việt Cường | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 |
| Bà Vũ Thị Thúy Hằng | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 |
| Ông Lê Minh Chung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 05 năm 2021 |
| Ông Hoàng Văn Kiên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020 |
| Ông Trần Ngọc Khánh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2020 |
| Bà Dương Thùy Mai | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2021 |
| Bà Vương Vân Anh | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2021 |
| Ông Bùi Khang | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát

| | | |
|----------------------|------------|--------------------------------------|
| Ông Nguyễn Lê Thắng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020 |
| Bà Đặng Thị Hà Giang | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Văn Vỹ | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 |
| Ông Trần Đức Thanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020 |
| | | Từ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2020 |
| Ông Ngô Văn Hùng | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020 |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Huy Tuấn Chủ tịch HĐQT

Ông Hoàng Văn Kiên, Phó Tổng giám đốc, được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2020 theo giấy ủy quyền số 04/UQ-JVC ngày 25 tháng 02 năm 2021.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 và tình hình tài chính hợp nhất vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Công ty.

6. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 082/2021/BCKTHN-PB.00388

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 06 năm 2021, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, khoản mục phải thu khách hàng ngắn hạn bao gồm số tiền 59.267.731.518 đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền 14.944.250.000 đồng và khoản mục phải thu khác ngắn hạn bao gồm số tiền tạm ứng 16.699.616.839 đồng tồn đọng lâu ngày và biến động không đáng kể từ 31 tháng 03 năm 2016. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và tạm ứng nêu trên. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu và tính đầy đủ của các khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu khách hàng với giá trị là 59.314.807.118 đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền 14.944.250.000 đồng và khoản mục phải thu khác ngắn hạn bao gồm số tiền tạm ứng 16.699.616.839 đồng, đồng thời ngoại trừ về tính chính xác của giá trị dự phòng đã trích lập đối với các khoản phải thu này do không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán.



Phạm Tuấn Vũ

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2030-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

– CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

A blue handwritten signature of Lê Viết Cường.

LÊ VIẾT CƯỜNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

| TÀI SẢN | Mã số | TM | 31/03/2021 VND | 01/04/2020 VND |
|----------------------------------------------|------------|------------|------------------------|------------------------|
| A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 300.319.399.551 | 318.527.899.494 |
| I/ Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 120.139.128.350 | 40.374.366.307 |
| 1. Tiền | 111 | | 6.639.128.350 | 9.074.366.307 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 113.500.000.000 | 31.300.000.000 |
| II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2 | 180.000.000 | 11.000.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 180.000.000 | 11.000.000.000 |
| III/ Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 118.075.309.230 | 141.310.866.258 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 486.283.070.742 | 498.835.188.012 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 316.362.044.654 | 322.125.054.912 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 999.242.500 | 999.242.500 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 517.347.858.191 | 515.228.709.194 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.6 | (1.202.916.906.857) | (1.195.877.328.360) |
| IV/ Hàng tồn kho | 140 | 5.7 | 60.072.433.902 | 123.159.626.325 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 106.561.988.901 | 165.079.842.297 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (46.489.554.999) | (41.920.215.972) |
| V/ Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.852.528.069 | 2.683.040.604 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.8 | 1.407.945.122 | 1.354.265.892 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 185.236.708 | 968.779.634 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 5.15 | 259.346.239 | 359.995.078 |
| B/ TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 327.406.931.277 | 319.329.369.093 |
| I/ Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 46.396.346.785 | 2.748.846.924 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.5 | 46.396.346.785 | 2.748.846.924 |
| II/ Tài sản cố định | 220 | | 214.462.380.511 | 288.141.406.330 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.9 | 211.253.531.322 | 287.789.207.196 |
| - Nguyên giá | 222 | | 780.746.678.762 | 860.578.337.587 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (569.493.147.440) | (572.789.130.391) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.10 | 3.208.849.189 | 352.199.134 |
| - Nguyên giá | 228 | | 4.364.437.980 | 923.000.480 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.155.588.791) | (570.801.346) |
| III/ Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| III/ Tài sản dở dang dài hạn | | | 933.657.355 | 10.347.850.300 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.11 | 933.657.355 | 10.347.850.300 |
| IV/ Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.2 | 56.215.200.000 | 4.520.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 750.000.000 | 750.000.000 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 110.750.000.000 | 110.750.000.000 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (111.500.000.000) | (111.500.000.000) |
| 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 56.215.200.000 | 4.520.000.000 |
| V/ Tài sản dài hạn khác | 260 | | 9.399.346.626 | 13.571.265.539 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.8 | 9.329.576.986 | 13.444.550.978 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 5.12 | 69.769.640 | 126.714.561 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 627.726.330.828 | 637.857.268.587 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | 31/03/2021 VND | 01/04/2020 VND |
|------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C/ NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 173.033.977.255 | 106.479.095.588 |
| I/ Nợ ngắn hạn | 310 | | 156.440.989.480 | 81.697.385.416 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.13 | 31.620.099.522 | 49.538.681.349 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.14 | 12.011.565.000 | 4.937.297.264 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.15 | 727.555.144 | 303.909.416 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 168.494.909 | 62.659.805 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.16 | 33.542.459.750 | 24.334.147.777 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.17 | 5.492.666.662 | 1.057.567.838 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.18 | 67.087.483.989 | - |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 5.790.664.504 | 1.463.121.967 |
| II/ Nợ dài hạn | 330 | | 16.592.987.775 | 24.781.710.172 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.17 | 12.614.553.791 | 24.781.710.172 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.18 | 3.978.433.984 | - |
| D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 454.692.353.573 | 531.378.172.999 |
| I/ Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.19 | 454.692.353.573 | 531.378.172.999 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 1.125.001.710.000 | 1.125.001.710.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.125.001.710.000 | 1.125.001.710.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 402.288.328.850 | 402.288.328.850 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 19.211.235.252 | 19.211.235.252 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (1.091.808.920.529) | (1.015.123.101.103) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (1.015.123.101.103) | (1.017.919.129.980) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (76.685.819.426) | 2.796.028.877 |
| III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 627.726.330.828 | 637.857.268.587 |



Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Trần Đức Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------------------------------------|-------|------|-------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 411.625.472.069 | 519.305.001.531 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 6.2 | 208.520.363 | 2.132.139.603 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 411.416.951.706 | 517.172.861.928 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.3 | 375.562.985.908 | 408.115.254.687 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 35.853.965.798 | 109.057.607.241 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.4 | 6.673.374.756 | 3.796.522.045 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.5 | 3.674.473.000 | 513.313.604 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 1.214.024.670 | 9.038.195 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 6.6 | 65.665.855.762 | 80.944.864.483 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.7 | 44.585.774.236 | 39.928.425.776 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (71.398.762.444) | (8.532.474.577) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.8 | 3.664.171.537 | 13.461.931.635 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.9 | 8.844.376.557 | 2.197.945.461 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (5.180.205.020) | 11.263.986.174 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (76.578.967.464) | 2.731.511.597 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.10 | 49.907.041 | - |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 6.11 | 56.944.921 | (64.517.280) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (76.685.819.426) | 2.796.028.877 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 61 | | (76.685.819.426) | 2.796.028.877 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.12 | (682) | 25 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 6.13 | (682) | 25 |



Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Trần Đức Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | (76.578.967.464) | 2.731.511.597 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 107.125.717.048 | 78.199.119.629 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 15.936.460.061 | 9.697.831.619 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (346.166.753) | 199.851.529 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 1.469.505.477 | (1.980.118.602) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 1.214.024.670 | 9.038.195 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 48.820.573.039 | 88.857.233.967 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 36.349.948.460 | 15.068.661.493 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 58.517.853.396 | (5.898.382.066) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | (19.574.018.321) | (68.048.634.066) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 4.061.294.762 | 735.548.591 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (1.146.918.439) | (9.038.195) |
| - Thuế TNDN đã nộp | 15 | (6.957.316) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 127.021.775.581 | 30.705.389.724 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (40.808.310.598) | (22.454.532.515) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 5.946.600.695 | 1.595.595.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (86.175.200.000) | (13.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | 550.000.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 2.713.978.392 | 2.670.409.127 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (118.322.931.511) | (30.638.528.388) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

| | | | |
|---------------------------------------------------------|-----------|------------------------|-----------------------|
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 89.564.205.629 | - |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (18.498.287.656) | (500.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 71.065.917.973 | (500.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 79.764.762.043 | (433.138.664) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 40.374.366.307 | 40.807.505.332 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 120.139.128.350 | 40.374.366.668 |



Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Trần Đức Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010, đã đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 được sửa đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các thiết bị Y tế.

Trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.125.001.710.000 đồng (Một nghìn một trăm hai mươi lăm tỷ, không trăm lẻ một triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020 hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị, dụng cụ Y tế;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị Y tế ;
 - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
 - Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học ;
- ...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh

| <i>Tên chi nhánh</i> | <i>Địa chỉ</i> | <i>Hạch toán kế toán</i> |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| Chi nhánh Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Nhật tại Hồ Chí Minh | Tầng 05 - tòa nhà văn phòng – Cao Ốc Central Garden - 328 Võ Văn Kiệt, Lô C, P. Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | Hạch toán phụ thuộc |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các Công ty con sở hữu trực tiếp

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 |
|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|---------------------------------------------|
| Công ty TNHH Kyoto Medical Science | Tầng 24 – Tòa nhà Icon 4 – 243A Đê La Thành – phường Láng Thượng - Q. Đống Đa – Hà Nội | Kinh doanh thiết bị Y tế | 100% | 100% |

Các Công ty liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 |
|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|---------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín | Số 19 Võ Văn Tần, Phường 06, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Kinh doanh thiết bị y tế | 25% | 25% |

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm sau.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con, Công ty liên kết được lập đến ngày 31 tháng 03 năm 2021.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại hoặc bất lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm (120 tháng). Bất lợi thế thương mại được ghi nhận một lần vào kết quả kinh doanh trong năm tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sản UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Công ty thực hiện thành lập hội đồng đánh giá khả năng tiêu thụ và đặc tính kỹ thuật còn lại của hàng tồn kho, từ đó xây dựng mức trích lập dự phòng cho mỗi mặt hàng. Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập dựa theo kết quả đánh giá của hội đồng này.

Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 02 – 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 |

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, thời gian trích khấu hao của một số máy móc thiết bị được điều chỉnh giảm tương ứng với thời gian của hợp đồng liên kết với các bệnh viện và cơ sở khám chữa bệnh. Việc thay đổi thời gian trích khấu hao dẫn đến chi phí khấu hao máy móc thiết bị của năm nay tăng thêm 33.262.100.000 đồng so với mức trích khấu hao của năm tài chính trước đó.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điều lệ Công ty.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/03/2021 VND | 01/04/2020 VND |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 45.617.000 | 1.190.009.000 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 6.593.511.350 | 7.884.357.307 |
| Các khoản tương đương tiền | 113.500.000.000 | 31.300.000.000 |
| Cộng | 120.139.128.350 | 40.374.366.307 |

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

| | Gốc ngoại tệ | Tương đương VND |
|---------------------------------------|--------------|-----------------|
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD | 1,00 | 22.993 |
| Cộng | 1,00 | 22.993 |

Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền

| | 31/03/2021 VND | 01/04/2020 VND |
|-------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng (1) | - | 31.300.000.000 |
| Đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn (2) | 113.500.000.000 | - |
| Cộng | 113.500.000.000 | 31.300.000.000 |

(1) Thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại

(2) Bao gồm các khoản hợp tác đầu tư với các pháp nhân khác. Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật có quyền rút một phần hoặc toàn bộ vốn hợp tác sau khi thông báo cho đối tác chậm nhất 01 ngày làm việc trước thời điểm dự kiến chấm dứt.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/03/2021 | | 01/04/2020 | |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND |
| Ngắn hạn | 180.000.000 | 180.000.000 | 11.000.000.000 | 11.000.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 180.000.000 | 180.000.000 | 11.000.000.000 | 11.000.000.000 |
| Dài hạn | 56.215.200.000 | 56.215.200.000 | 4.520.000.000 | 4.520.000.000 |
| Trái phiếu BIDV | - | - | 4.520.000.000 | 4.520.000.000 |
| Trái phiếu BTW | 56.028.000.000 | 56.028.000.000 | - | - |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 187.200.000 | 187.200.000 | - | - |
| Cộng | 56.395.200.000 | 56.395.200.000 | 15.520.000.000 | 15.520.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/03/2021 | | 01/04/2020 | |
|---------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Giá hợp lý VND |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 750.000.000 | 750.000.000 | 750.000.000 | 750.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín | 750.000.000 | 750.000.000 | 750.000.000 | 750.000.000 |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 110.750.000.000 | 110.750.000.000 | 110.750.000.000 | 110.750.000.000 |
| Đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế <1> | 110.750.000.000 | 110.750.000.000 | 110.750.000.000 | 110.750.000.000 |
| Cộng | 111.500.000.000 | 111.500.000.000 | 111.500.000.000 | 111.500.000.000 |

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín.
 <1> Đây là khoản đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế cùng với Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên tại hai bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

| | 31/03/2021 | | 01/04/2020 | |
|------------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông | 107.340.812.353 | (107.340.812.353) | 107.340.812.353 | (107.340.812.353) |
| Công ty Cổ phần đầu tư A1 | 97.904.625.613 | (97.904.625.613) | 97.904.625.613 | (97.904.625.613) |
| Phải thu khác | 281.037.632.776 | (181.952.527.354) | 293.589.750.046 | (182.295.581.976) |
| Cộng | 486.283.070.742 | (387.197.965.320) | 498.835.188.012 | (387.541.019.942) |

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/03/2021 | | 01/04/2020 | |
|------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| JWB Co., Ltd. | 190.230.906.514 | (190.230.906.514) | 190.230.906.514 | (190.230.906.514) |
| Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế | 36.635.000.000 | (36.635.000.000) | 36.635.000.000 | (36.635.000.000) |
| Nishimura Medical Instrument | 29.872.783.121 | (29.872.783.121) | 29.872.783.121 | (29.872.783.121) |
| Các khoản khác | 59.623.355.019 | (47.659.377.130) | 65.386.365.277 | (42.289.887.130) |
| Cộng | 316.362.044.654 | (304.398.066.765) | 322.125.054.912 | (299.028.576.765) |

Số dư trả trước cho người bán ngắn hạn ngày 31 tháng 03 năm 2021 bao gồm 14.944.250.000 đồng tồn đọng lâu ngày (tại 31 tháng 03 năm 2020 là 14.944.250.000 đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 03 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu nêu trên tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2020 và 31 tháng 03 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.5 Phải thu khác ngắn hạn, dài hạn

5.5.1 Phải thu khác ngắn hạn

| | 31/03/2021 | | 01/04/2020 | |
|-------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ (i) | 403.295.265.000 | (403.295.265.000) | 403.295.265.000 | (403.295.265.000) |
| Tiền tạm ứng cho CBNV (ii) | 94.945.336.531 | (94.369.705.746) | 95.658.606.487 | (94.369.705.746) |
| Phải thu nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý | 7.242.748.952 | (7.242.748.952) | 7.256.442.952 | (7.256.442.952) |
| Phải thu cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý | - | - | 2.261.219.600 | - |
| Vốn liên kết với các bệnh viện | 2.196.001.887 | (2.010.283.138) | 1.033.593.750 | - |
| Ký quỹ, ký cược | 3.336.355.328 | - | 452.480.000 | - |
| Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính | 2.701.099.847 | - | 464.957.450 | - |
| Phải thu khác | 3.631.050.646 | (3.403.629.436) | 4.806.143.955 | (3.387.075.455) |
| Cộng | 517.347.858.191 | (510.321.632.272) | 515.228.709.194 | (508.308.489.153) |

(i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ liên quan đến các nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm.

(ii) Số dư các khoản tạm ứng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 bao gồm khoản phải thu giá trị 16.699.616.839 đồng không được lưu trữ đầy đủ hồ sơ gốc và tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 là 16.699.616.839 đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 03 năm 2016).

5.5.2 Phải thu khác dài hạn

| | 31/03/2021 | | 01/04/2020 | |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Vốn liên kết với các bệnh viện | - | - | 1.664.970.639 | - |
| Các khoản hợp tác đầu tư (1) | 45.300.000.000 | - | - | - |
| Ký quỹ, ký cược | 1.096.346.785 | - | 1.083.876.285 | - |
| Cộng | 46.396.346.785 | - | 2.748.846.924 | - |

(1) Đây là các khoản hợp tác đầu tư với thời gian đầu tư là 03 năm, lợi nhuận đầu tư Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật thu được sẽ tùy thuộc vào hiệu quả đầu tư của các Công ty nhận tiền hợp tác đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.7 Hàng tồn kho

| | 31/03/2021 | | 01/04/2020 | |
|--------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Hàng mua đang đi đường | 6.946.937.301 | - | 13.067.745.256 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 631.709.541 | - | 992.020.037 | - |
| Hàng hoá | 85.050.707.523 | (46.489.554.999) | 145.547.910.903 | (41.920.215.972) |
| Hàng gửi đi bán | 13.932.634.536 | - | 5.472.166.101 | - |
| Cộng | 106.561.988.901 | (46.489.554.999) | 165.079.842.297 | (41.920.215.972) |

5.8 Chi phí trả trước

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 31/03/2021 VND | 01/04/2020 VND |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 706.843.958 | 726.441.167 |
| Các khoản khác | 701.101.164 | 627.824.725 |
| Cộng | 1.407.945.122 | 1.354.265.892 |

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/03/2021 VND | 01/04/2020 VND |
|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 1.059.638.433 | 1.042.543.284 |
| Chi phí sửa chữa, bảo hành thiết bị, làm phòng để tài sản liên kết, đặt máy | 8.144.194.963 | 11.044.056.353 |
| Cải tạo, sửa chữa văn phòng | - | 1.134.531.037 |
| Các khoản khác | 125.743.590 | 223.420.304 |
| Cộng | 9.329.576.986 | 13.444.550.978 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

| 5.9 | Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tổng cộng VND |
|-----|----------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|------------------------|
| | NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| | Số dư tại 01/04/2020 | - | 832.495.340.863 | 27.541.580.068 | 541.416.656 | 860.578.337.587 |
| | Đầu tư XDCB hoàn thành | - | 41.442.118.588 | 5.296.941.091 | 42.006.364 | 46.781.066.043 |
| | Thanh lý, nhượng bán | - | (93.675.639.270) | (8.773.690.682) | (62.900.000) | (102.512.229.952) |
| | Giảm do tài trợ y tế | - | (24.100.494.916) | - | - | (24.100.494.916) |
| | Số dư tại 31/03/2021 | - | 756.161.325.265 | 24.064.830.477 | 520.523.020 | 780.746.678.762 |
| | GIÁ TRỊ HAO MÒN | | | | | |
| | Số dư tại 01/04/2020 | - | 555.061.910.721 | 17.377.451.417 | 349.768.253 | 572.789.130.391 |
| | Khấu hao | - | 107.154.978.738 | 2.310.711.084 | 36.728.134 | 109.502.417.956 |
| | Thanh lý, nhượng bán | - | (89.005.460.637) | (2.829.201.398) | (62.900.000) | (91.897.562.035) |
| | Giảm do tài trợ y tế | - | (20.900.838.872) | - | - | (20.900.838.872) |
| | Số dư tại 31/03/2021 | - | 552.310.589.950 | 16.858.961.103 | 323.596.387 | 569.493.147.440 |
| | GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| | Số dư tại 01/04/2020 | - | 277.433.430.142 | 10.164.128.651 | 191.648.403 | 287.789.207.196 |
| | Số dư tại 31/03/2021 | - | 203.850.735.315 | 7.205.869.374 | 196.926.633 | 211.253.531.322 |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 59.311.084.890 đồng
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 195.526.573.129 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.10 Tài sản cố định vô hình

| | Chương trình phần mềm VND | TSCĐ Vô hình khác VND | Tổng cộng VND |
|-----------------------------|---------------------------------|-----------------------------|----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư tại 01/04/2020 | 923.000.480 | - | 923.000.480 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 3.441.437.500 | - | 3.441.437.500 |
| Số dư tại 31/03/2021 | 4.364.437.980 | - | 4.364.437.980 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN | | | |
| Số dư tại 01/04/2020 | 570.801.346 | - | 570.801.346 |
| Khấu hao trong năm | 584.787.445 | - | 584.787.445 |
| Số dư tại 31/03/2021 | 1.155.588.791 | - | 1.155.588.791 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Số dư tại 01/04/2020 | 352.199.134 | - | 352.199.134 |
| Số dư tại 31/03/2021 | 3.208.849.189 | - | 3.208.849.189 |

Giá trị tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 38.000.000 đồng

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 01/04/2020 VND | Chi phí phát sinh trong năm VND | Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm VND | 31/03/2021 VND |
|----------------------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|--------------------|
| Mua sắm TSCĐ | 10.347.850.300 | 40.808.310.598 | 50.222.503.543 | 933.657.355 |
| - Dự án máy MRI Aperto Lucent | 10.239.353.300 | 1.299.906.296 | 11.539.259.596 | - |
| - Các dự án khác | 108.497.000 | 39.508.404.302 | 38.683.243.947 | 933.657.355 |
| | 10.347.850.300 | 40.808.310.598 | 50.222.503.543 | 933.657.355 |

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

| | 31/03/2021 VND | 01/04/2020 VND |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 20% | 20% |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các tài sản cố định, CCDC bán để sử dụng nội bộ | 69.769.640 | 126.714.561 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 69.769.640 | 126.714.561 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/03/2021 | | 01/04/2020 | |
|-----------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Hitachi Medical Instrument Co., Ltd. | 11.807.793.613 | 11.807.793.613 | 21.807.192.000 | 21.807.192.000 |
| Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam | 9.205.024.901 | 9.205.024.901 | 18.203.896.771 | 18.203.896.771 |
| Konica Minolta. Inc. | 6.806.506.514 | 6.806.506.514 | 6.409.838.563 | 6.409.838.563 |
| Đối tượng khác | 3.800.774.494 | 3.800.774.494 | 3.117.754.015 | 3.117.754.015 |
| Cộng | 31.620.099.522 | 31.620.099.522 | 49.538.681.349 | 49.538.681.349 |

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/03/2021 | | 01/04/2020 | |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| CN Công Ty CP Du Lịch Và Dược Phẩm Sơn Lâm - Bệnh viện Đa khoa Thiện Nhân | 3.105.000.000 | 3.105.000.000 | - | - |
| Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa | 2.664.083.341 | 2.664.083.341 | - | - |
| Công ty TNHH Dịch vụ Y dược Quỳnh Lưu | - | - | 1.464.000.000 | 1.464.000.000 |
| Ứng trước tiền khác | 6.242.481.659 | 6.242.481.659 | 3.473.297.264 | 3.473.297.264 |
| Cộng | 12.011.565.000 | 12.011.565.000 | 4.937.297.264 | 4.937.297.264 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | Số phải thu tại đầu năm | | Số phải nộp tại đầu năm | | Số phải nộp trong năm | | Số thực nộp trong năm | | Số phải thu tại cuối năm | | Số phải nộp tại cuối năm | |
|----------------------------------------|-------------------------|--------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|-----|--------------------------|-----|--------------------------|-----|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 31.211.358 | 3.941.232.252 | 3.312.597.811 | - | - | 659.845.799 | | | | | |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | 1.289.876.462 | 1.255.729.622 | - | - | 34.146.840 | | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 52.949.725 | - | 49.907.041 | 6.957.316 | 10.000.000 | - | - | | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 307.045.353 | 272.698.058 | 5.737.305.235 | 5.934.032.837 | 249.346.239 | 18.271.342 | | | | | | |
| Các loại thuế khác | - | - | 848.318.284 | 833.027.121 | - | - | 15.291.163 | | | | | |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 5.118.000 | 5.118.000 | - | - | - | | | | | |
| Cộng | 359.995.078 | 303.909.416 | 11.871.757.274 | 11.347.462.707 | 259.346.239 | 727.555.144 | | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.16 Chi phí phải trả

| | 31/03/2021 | 01/04/2020 |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn | 13.550.824.096 | 7.254.366.398 |
| Trích trước chi phí hoa hồng kinh doanh | 3.417.237.112 | 6.495.918.187 |
| Trích trước chi phí phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết | 13.557.526.134 | 5.839.777.105 |
| Trích trước chi phí bảo trì | 231.934.848 | 1.073.769.282 |
| Trích trước chi phí lãi vay | 67.106.231 | - |
| Các khoản trích trước khác | 2.717.831.329 | 3.670.316.805 |
| Cộng | 33.542.459.750 | 24.334.147.777 |

5.17 Phải trả khác ngắn hạn, dài hạn

5.17.1 Phải trả khác ngắn hạn

| | 31/03/2021 | | 01/04/2020 | |
|--------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 113.370.000 | 113.370.000 | 153.848.700 | 153.848.700 |
| Bảo hiểm xã hội | 6.737.100 | 6.737.100 | - | - |
| Bảo hiểm y tế | 1.188.900 | 1.188.900 | - | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 528.400 | 528.400 | - | - |
| Vốn liên kết đã nhận (1) | 4.301.549.013 | 4.301.549.013 | - | - |
| Phải trả khác | 1.069.293.249 | 1.069.293.249 | 903.719.138 | 903.719.138 |
| Cộng | 5.492.666.662 | 5.492.666.662 | 1.057.567.838 | 1.057.567.838 |

(i) Phản ánh khoản tiền vốn nhận của các cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết

5.17.2 Phải trả khác dài hạn

| | 31/03/2021 | | 01/04/2020 | |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Vốn liên kết đã nhận (1) | 12.614.553.791 | 12.614.553.791 | 24.781.710.172 | 24.781.710.172 |
| Cộng | 12.614.553.791 | 12.614.553.791 | 24.781.710.172 | 24.781.710.172 |

(i) Phản ánh khoản tiền vốn nhận của các cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

| | 31/03/2021 | | | | Trong năm | | | | 01/04/2020 | |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|---------------------------------|-------------|---------------------------------|----------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giảm VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| 5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn | | | | | | | | | | |
| 5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | | | | | | | | | | |
| 1> Vay ngắn hạn | 65.307.483.989 | 65.307.483.989 | 82.470.771.645 | 17.163.287.656 | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở Giao dịch 1 | 35.576.091.428 | 35.576.091.428 | 44.635.219.084 | 9.059.127.656 | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình | 29.731.392.561 | 29.731.392.561 | 37.835.552.561 | 8.104.160.000 | | | | | | |
| 2> Vay dài hạn đến hạn trả | 1.780.000.000 | 1.780.000.000 | 3.115.000.000 | 1.335.000.000 | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình | 1.780.000.000 | 1.780.000.000 | 3.115.000.000 | 1.335.000.000 | | | | | | |
| Cộng | 67.087.483.989 | 67.087.483.989 | 85.585.771.645 | 18.498.287.656 | | | | | | |
| 5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| 31/03/2021 | | | | | | | | | | |
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| 1> Vay dài hạn | 3.978.433.984 | 3.978.433.984 | 7.093.433.984 | 3.115.000.000 | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình | 3.978.433.984 | 3.978.433.984 | 7.093.433.984 | 3.115.000.000 | | | | | | |
| Cộng | 3.978.433.984 | 3.978.433.984 | 7.093.433.984 | 3.115.000.000 | | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẤT
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.18.3 Thông tin bổ sung cho các khoản vay

VAY NGẮN HẠN

| Hợp đồng vay | Thời hạn vay | Lãi suất | Hạn mức vay | Số dư nợ gốc tại 31/03/2021 | Mục đích vay | Tài sản bảo đảm |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khoản vay Ngân hàng MB - CN Sở Giao dịch 1 76009.20.002.449769.TD ngày 31/12/2020 | | Theo từng khế ước nhận nợ | 60.000.000.000 đồng | 35.576.091.428 | Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD | - Tiền ký quỹ tại ngân hàng MB - Máy móc, thiết bị - Hệ thống ô tô khám bệnh lưu động - Hàng tồn kho luân chuyển - Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng số 271/2021/BVĐKT-VN và các phụ lục khác đính kèm |
| Khoản vay ngân hàng BIDV - CN Mỹ Đình 01/2020/6453135/HĐTD ngày 23/09/2020 | 12 tháng | Theo từng khế ước nhận nợ | 54.000.000.000 đồng | 29.731.392.561 | Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở LC | - Máy móc thiết bị - Xe ô tô - Trái phiếu do BIDV phát hành mã BID2_18.05_03074 - HĐTG có kỳ hạn số 04/2018/6453135/HĐTG |
| Cộng | | | | 65.307.483.989 | | |

VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| Hợp đồng vay | Thời hạn vay | Lãi suất | Số dư nợ gốc tại 31/03/2021 | Số phải trả đến 31/03/2022 | Mục đích vay | Tài sản bảo đảm |
|--------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Khoản vay ngân hàng BIDV - CN Mỹ Đình 01/20206453135/HĐTD ngày 25/6/2020 | 48 tháng | 8%/năm trong năm đầu tiên, những năm tiếp theo bằng LS tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm | 6.648.433.984 | 1.780.000.000 | Thanh toán tiền mua máy chụp cộng hưởng từ MRI | Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay |
| Cộng | | | 6.648.433.984 | 1.780.000.000 | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.19 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.19.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | LNST chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|----------------------|----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------|
| Số dư tại 01/04/2019 | 1.125.001.710.000 | 402.288.328.850 | 19.211.235.252 | (1.017.919.129.980) | 528.582.144.122 |
| Lãi trong năm trước | | | | 2.796.028.877 | 2.796.028.877 |
| Số dư tại 31/03/2020 | 1.125.001.710.000 | 402.288.328.850 | 19.211.235.252 | (1.015.123.101.103) | 531.378.172.999 |
| Số dư tại 01/04/2020 | 1.125.001.710.000 | 402.288.328.850 | 19.211.235.252 | (1.015.123.101.103) | 531.378.172.999 |
| Lỗ trong năm | - | - | - | (76.685.819.426) | (76.685.819.426) |
| Số dư tại 31/03/2021 | 1.125.001.710.000 | 402.288.328.850 | 19.211.235.252 | (1.091.808.920.529) | 454.692.353.573 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 1.125.001.710.000 | 1.125.001.710.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 1.125.001.710.000 | 1.125.001.710.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

5.20 Cổ phiếu

| | 31/03/2021 Cổ phiếu | 01/04/2020 Cổ phiếu |
|--------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 112.500.171 | 112.500.171 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 112.500.171 | 112.500.171 |
| Cổ phiếu phổ thông | 112.500.171 | 112.500.171 |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 112.500.171 | 112.500.171 |
| Cổ phiếu phổ thông | 112.500.171 | 112.500.171 |
| <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i> | 10.000 | 10.000 |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng | 269.210.409.684 | 357.941.166.883 |
| Doanh thu được chia từ các dự án liên kết | 120.534.385.137 | 135.438.664.601 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 21.780.677.248 | 25.925.170.047 |
| Cộng | 411.525.472.069 | 519.305.001.531 |

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------|--------------------|----------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 208.520.363 | 2.132.139.603 |
| Cộng | 208.520.363 | 2.132.139.603 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

6.3 Giá vốn hàng bán

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 205.785.422.118 | 268.968.298.352 |
| Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế | 141.940.327.519 | 114.657.788.853 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 23.267.897.244 | 24.800.029.239 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 4.569.339.027 | (310.861.757) |
| Cộng | 375.562.985.908 | 408.115.254.687 |

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 4.950.120.789 | 2.846.457.938 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.377.087.214 | 950.064.107 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 346.166.753 | - |
| Cộng | 6.673.374.756 | 3.796.522.045 |

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Lãi tiền vay | 1.214.024.670 | 9.038.195 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 360.448.330 | 304.423.880 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 199.851.529 |
| Chi phí tài chính khác | 2.100.000.000 | - |
| Cộng | 3.674.473.000 | 513.313.604 |

6.6 Chi phí bán hàng

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lương và các khoản trích theo lương | 24.406.382.257 | 25.415.997.873 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác | 41.259.473.505 | 55.528.866.610 |
| Cộng | 65.665.855.762 | 80.944.864.483 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lương và các khoản trích theo lương | 20.089.074.197 | 15.600.713.381 |
| Chi phí dự phòng phải thu khó đòi | 7.039.578.497 | 8.545.571.409 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 17.457.121.542 | 15.782.140.986 |
| | 44.585.774.236 | 39.928.425.776 |

6.8 Thu nhập khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Hỗ trợ, hàng biếu tặng và thưởng từ nhà cung cấp | 3.369.801.652 | 12.479.834.724 |
| Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 248.473.636 | 290.106.248 |
| Thu nhập khác | 145.896.249 | 691.990.663 |
| Cộng | 3.764.171.537 | 13.461.931.635 |

6.9 Chi phí khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| Lỗ do thanh lý TSCĐ | 7.536.309.414 | 966.294.963 |
| Các khoản bị phạt, truy thu | 135.501.472 | 38.979.586 |
| Chi phí khác | 1.172.565.671 | 1.192.670.912 |
| Cộng | 8.844.376.557 | 2.197.945.461 |

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm nay | - | - |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 49.907.041 | - |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 49.907.041 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

6.11 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC bán để sử dụng nội bộ | 56.944.921 | (64.517.280) |
| Cộng | 56.944.921 | (64.517.280) |

6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | (76.685.819.426) | 2.796.028.877 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ | (76.685.819.426) | 2.796.028.877 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 112.500.171 | 112.500.171 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (682) | 25 |

6.13 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | (76.685.819.426) | 2.796.028.877 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ | (76.685.819.426) | 2.796.028.877 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 112.500.171 | 112.500.171 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | (682) | 25 |

6.14 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân công | 65.191.325.863 | 51.271.333.375 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ | 16.988.561.473 | 1.832.006.703 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 107.125.717.048 | 77.309.851.814 |
| Chi phí dự phòng | 15.936.460.061 | 9.697.831.619 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác | 72.604.727.417 | 110.033.322.069 |
| Cộng | 277.846.791.862 | 250.144.345.580 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát | 8.022.412.435 | 5.330.442.808 |

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

7.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Trần Đức Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu